

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA DÂN TỘC THÁI Ở TỈNH SƠN LA THEO HƯỚNG SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN VÀ NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA

GS.TS. Nguyễn Việt Thịnh, GS.TS Đỗ Thị Minh Đức,

ThS. Đặng Thị Nhuận

Tóm tắt: Bài báo phân tích hiện trạng phát triển trồng trọt và chăn nuôi truyền thống, kết hợp hiện đại của dân tộc Thái tỉnh Sơn La, việc sử dụng tri thức bản địa trong canh tác cây trồng và chăn nuôi gia súc gia cầm. Bài báo cũng phân tích những thay đổi trong sản xuất nông nghiệp của dân tộc Thái dưới tác động của những nhân tố kinh tế xã hội. Từ đó đề xuất một số giải pháp cho phát triển sản xuất nông nghiệp nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển một số vùng sản xuất chuyên môn hóa tập trung một số loại cây trồng vật nuôi ở những địa bàn tập trung dân tộc Thái.

Từ khóa: nông nghiệp, dân tộc Thái, Sơn La, sử dụng hợp lý tài nguyên

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sản xuất nông nghiệp luôn gắn kết chặt chẽ với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trong bối cảnh hiện nay với sự gia tăng dân số, đô thị hóa và sự phát triển công nghiệp, các công trình cơ sở hạ tầng đang gia tăng sức ép đối với các tài nguyên thiên nhiên cơ bản của nông nghiệp. Bối cảnh đó đòi hỏi càng phải có những giải pháp hiệu quả đảm bảo phát triển sản xuất và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất nông nghiệp.

Từ thập niên 1980 trở lại đây, nông nghiệp tỉnh Sơn La đã có những chuyển biến mạnh mẽ từ nền nông nghiệp truyền thống, tự cung tự cấp lên sản xuất hàng hóa. Cũng trong thời gian hơn 30 năm đó, nông nghiệp của tỉnh đã chịu tác động tương đối mạnh bởi sự gia tăng dân số cơ học bởi các chương trình kinh tế mới, sự mất đất nông nghiệp và di dân tái định cư do các dự án phát triển thủy điện (trong đó tác động lớn nhất là từ thủy điện Hòa Bình, thủy điện Sơn La), khai khoáng, giao thông,... Các khu vực chịu tác động mạnh nhất chính là các khu vực có dân tộc Thái phân bố tập trung.

Là một tỉnh miền núi phía Bắc, tỉnh Sơn La là địa bàn tụ cư của nhiều cộng đồng các dân tộc, trong đó, đông nhất là người Thái (53,7 % dân số), người Kinh (16,2 % dân số), người Mông (15,7 % dân số); chiếm số lượng ít hơn là người Mường, Xinh-mun, Dao, Khơ-mú, Kháng, La Ha,...[1].

Dân tộc Thái có lịch sử cư trú lâu đời trên mảnh đất Tây Bắc, nói riêng là Sơn La. Các hoạt động mưu sinh dựa vào nông, lâm nghiệp truyền thống đã làm nên kho tri thức tộc người phong phú, được đúc kết từ kinh nghiệm sản xuất dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên và điều kiện môi trường sinh thái đặc thù của vùng núi Sơn La. Trong hơn ba chục năm gần đây, kho tri thức tộc người ấy đã có những biến đổi, một mặt phong phú hơn nhờ sự giao lưu, học hỏi với các dân tộc khác, trong đó có các cộng đồng người Kinh lên xây dựng kinh tế mới, nhờ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, đồng thời cũng có phần bị mai một ở một bộ phận người Thái phải di cư do xây dựng hồ thủy điện, nhất là các cuộc di dân kéo dài mười năm hoặc dài hơn do vùng đất sinh tụ lâu đời của người Thái ở Phù Yên, Mường La, Quỳnh Nhai,... bị ngập dưới nước lòng hồ Hòa Bình và Sơn La... Những người di chuyển đã phải thay đổi phương thức trong sản xuất nông nghiệp để thích ứng với nơi cư trú và sản xuất mới nhằm đảm bảo nguồn sinh kế và ổn định cuộc sống.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi muốn phân tích hiện trạng phát triển ngành nông nghiệp ở những khu vực phân bố tập trung người Thái ở Sơn La gắn với việc sử dụng hợp lý tài nguyên, và đang hướng sang sản xuất hàng hóa. Trong nghiên cứu cũng có gợi ý một số giải pháp nhằm sử dụng hợp lý hơn tài nguyên trong phát triển nông nghiệp cũng như lựa chọn hướng đi cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu thứ cấp: Tài liệu, báo cáo, dữ liệu tại các sở, ban, ngành của tỉnh Sơn La. Các thông tin nền về dân cư, kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là số liệu từ Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, thủy sản năm 2016 của tỉnh Sơn La.

Dữ liệu sơ cấp: các ghi chép, quan sát trực tiếp, phỏng vấn các hộ gia đình và các cộng đồng khi điều tra thực địa tại địa bàn nghiên cứu, đặc biệt là tại các xã tập trung người Thái ở các huyện Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mường La, Mai Sơn, Sông Mã và TP Sơn La. Những thông tin sơ cấp có liên quan đến thực trạng sản xuất nông nghiệp ở địa phương, cũng như kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp truyền thống và hiện đại của người Thái.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp chính được vận dụng trong nghiên cứu bao gồm: phương pháp thu thập và xử lý số liệu thống kê; phương pháp khảo sát điều tra thực địa; phương pháp phỏng vấn và tham vấn cộng đồng; phương pháp bản đồ - GIS. Các bản đồ chuyên đề phản ánh nhiều lớp thông tin về các chủ đề từ các điều kiện phát triển nông nghiệp, thực trạng phát triển và phân bố các sản phẩm chính về trồng trọt và chăn nuôi.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Sơn La là tỉnh miền núi Tây Bắc Việt Nam, với diện tích 14.233,5 km², phía bắc giáp các tỉnh Yên Bái và Lai Châu; phía nam giáp tỉnh Thanh Hóa và nước CHDCND Lào; phía đông giáp các tỉnh Hòa Bình và Phú Thọ; phía tây giáp tỉnh Điện Biên. Toàn tỉnh có 1 thành phố (TP Sơn La) và 11 huyện (Vân Hồ, Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mường La, Sông Mã, Sốp Cộp, Bắc Yên, Phù Yên) với tổng số 204 xã, phường. Trong nghiên cứu này, địa bàn người Thái phân bố tập trung được quy ước là nơi người Thái chiếm từ 60 % dân số của xã trở lên, tổng số là 103 xã.

Dân số của tỉnh Sơn La năm 2016 là 1208,2 nghìn người, trong đó người Thái là 64.880 người (2016) [1]. Người Thái sống đan xen với các dân tộc anh em khác, phân bố ở hầu khắp các huyện trong tỉnh, mà địa bàn cư trú chủ yếu ở các vùng núi thấp hoặc ở các thung lũng dọc theo các chân núi và gần các sông suối.

Kinh tế nông, lâm nghiệp đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Vùng nông thôn chiếm 86,4 % dân số và 62,1 % lao động xã hội, trong đó số lao động trong ngành nông – lâm – thủy sản chiếm 86,7%; riêng đối với dân tộc Thái số lao động làm nông – lâm – thủy sản chiếm tới 91,1 % [3]. Do nông – lâm – thủy sản là sinh kế chủ yếu của người Thái, nên việc phát triển nông nghiệp gắn với khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2. Các nhân tố tác động tới sản xuất nông nghiệp của dân tộc Thái ở Sơn La

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Người Thái cư trú chủ yếu ở nơi địa hình thấp, giới canh tác ở thung lũng và làm ruộng bậc thang. Trong khu vực nghiên cứu, diện tích đất lúa là 17,4 nghìn ha. trong đó có 9,8 nghìn ha trồng được hai vụ, do có đủ nước làm vụ đông xuân và vụ mùa; 1,8 nghìn ha ruộng bậc thang chỉ cấy lúa ruộng vụ mùa, dựa vào nước trời, còn lại gần 5,8 nghìn ha lúa nương. Do canh tác ở địa hình núi thấp và trung bình, nên với phương thức canh tác trên đất dốc phù hợp, diện tích đất cây hàng năm là hơn 95,5 nghìn ha, chiếm 77,5% diện tích đất sản xuất nông nghiệp của vùng nghiên cứu, nếu trừ đi diện tích lúa, thì diện tích đất cây hàng năm khác là hơn 78 nghìn ha. Địa hình cao nguyên thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả; hiện nay diện tích đất cây lâu năm là 27,7 nghìn ha (chiếm 22,5% diện tích đất sản xuất nông nghiệp của vùng nghiên cứu). Địa hình núi cao là địa bàn phát triển rừng. Như vậy, thích ứng với điều kiện địa hình đa dạng có thể phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa cây trồng và vật nuôi. Tuy

nhiên, do phần lớn địa hình có độ dốc lớn, chia cắt sâu và chia cắt ngang mạnh, nên diện tích đất canh tác nhỏ, manh mún, gây ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất nông nghiệp, nhất là để chuyển sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn và cơ giới hóa.

Về tài nguyên đất của 103 xã thuộc khu vực nghiên cứu, các loại đất có tổng diện tích 6283,3 nghìn ha với 4 nhóm đất chính, 13 loại đất. Nhóm đất phù sa có diện tích 26,5 nghìn ha. Nhóm đất đỏ vàng (F), diện tích 2836,7 nghìn ha, phân bố ở hầu khắp các huyện trong tỉnh, nhưng tập trung ở các huyện Quỳnh Nhai, Sông Mã, Mai Sơn. Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi (H), 3337,4 nghìn ha, phân bố chủ yếu ở TP Sơn La, các huyện Mai Sơn, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mường La, Sốp Cộp và Sông Mã, thích hợp để trồng cây công nghiệp và cây ăn quả. Nhóm đất mùn trên núi cao (A), diện tích 82,7 nghìn ha, phân bố chủ yếu ở xã Ngọc Chiến (h. Mường La), xã Pắc Ngà (h. Bắc Yên), phù hợp cho phát triển rừng phòng hộ.

Sơn La có mật độ sông suối khá dày, là nguồn nước tưới quan trọng cho nông nghiệp và cũng là lợi thế để người Thái phát triển các công trình thủy lợi, hệ thống mương phai. Sự hình thành các hồ thủy điện Hòa Bình và Sơn La đã là tiền đề cho nghề nuôi cá lồng trên sông, hồ, nhất là ở huyện Quỳnh Nhai.

Khí hậu Sơn La mang đặc điểm chung của vùng Tây Bắc: mùa đông lạnh khô nhưng nhiệt độ không quá thấp, mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều, nhưng có sự phân hóa khá rõ giữa các tiểu vùng trong tỉnh và theo độ cao. Nói chung, điều kiện khí hậu thuận lợi cho phát triển nông nghiệp nhiệt đới có pha tính chất cận nhiệt. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất là về mùa đông có hiện tượng thiếu nước trầm trọng, nhất là các địa phương trên nền địa hình đá vôi, có năm xảy ra sương muối; mưa lớn gây lũ lụt vào mùa mưa.

Điều kiện kinh tế - xã hội

Mạng lưới giao thông đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp, nổi bật là quốc lộ 6, quốc lộ 4G. Quốc lộ 6 chạy dọc qua 6 huyện trong tỉnh (Vân Hồ, Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, TP Sơn La, Thuận Châu), là tuyến đường giao thông huyết mạch nối vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với vùng núi Tây Bắc, có vai trò thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa dọc theo trục quốc lộ 6 ở Sơn La. Quốc lộ 279 thuộc vành đai biên giới Việt – Trung (Sơn La - Điện Biên – Lai Châu – Lào Cai), quốc lộ 4G thuộc tuyến vành đai biên giới Việt – Lào). Việc phát triển giao thông nông thôn cũng đã được chú trọng. Tính đến năm 2016, trong tổng số 188 xã của tỉnh có 161 xã (chiếm 85,64%) có đường giao thông được trải nhựa, bê tông hóa đến trụ sở UBND xã, có 159 xã có đường trục xã được trải nhựa, bê tông hóa (từ một phần đến 100%) [3]. Sự phát triển của mạng lưới giao thông đã tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hình thành các chuỗi sản phẩm hàng hóa giữa các địa phương trong tỉnh, cũng như kết nối với các vùng lân cận.

Hệ thống thủy lợi được đầu tư xây dựng, có vai trò quan trọng để giải quyết tình trạng đặc biệt khan hiếm nước vào mùa khô. Tính đến năm 2016 toàn tỉnh có 31 trạm bơm nước phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn xã, bình quân 0,17 trạm/xã, chiều dài kênh mương thủy lợi do xã/hợp tác xã quản lý 3.119 km, chiều dài kênh mương thủy lợi do xã/hợp tác xã quản lý được kiên cố hóa là 1.498 km [3].

Mạng lưới khuyến nông, khuyến ngư: Tính đến năm 2016 toàn tỉnh có 184/188 xã có cán bộ khuyến nông, lâm nghiệp và ngư nghiệp. Số bản có cộng tác viên khuyến nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp là 1.034 bản, chiếm 34%. 187/188 xã có cán bộ thú y; số bản có cộng tác viên thú y 2.925 bản chiếm 96,06% [3].

Nguồn vốn đầu tư cho phát triển nông, lâm nghiệp được tăng cường thông qua các chương trình dự án như: Tái định cư thủy điện Sơn La; đầu tư thủy lợi; chương trình 134, 135, 193; đầu tư phát triển nông, lâm thủy sản. Các nguồn vốn được huy động từ vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách của tỉnh, vốn doanh nghiệp ngoài nhà nước. Nhờ có các nguồn vốn đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, nhiều giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao được mở rộng sản xuất, góp phần làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản như

sản phẩm chè Mộc Châu, cà phê Sơn La.

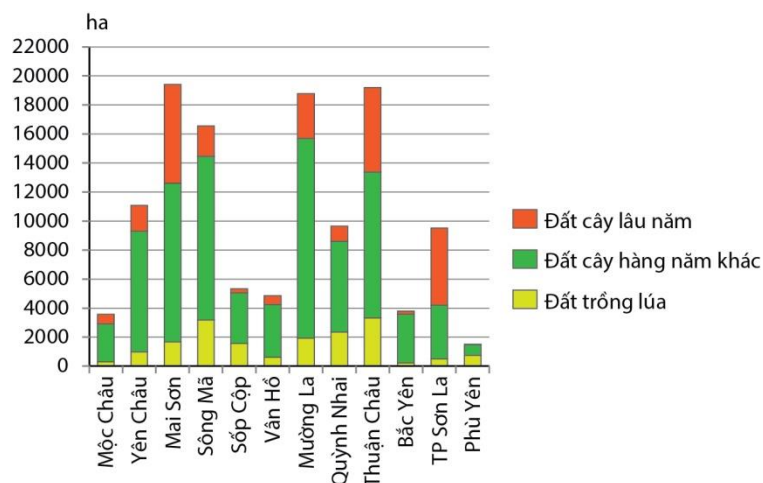
Chính sách phát triển nông nghiệp: trong số nhiều chương trình, dự án đầu tư cho phát triển nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt phải kể đến Dự án phát triển vùng nguyên liệu chè lên 10.000 ha ở Mộc Châu, Thuận Châu, Bắc Yên, Phù Yên, Yên Châu, Mai Sơn; Dự án phát triển cà phê tại Thành phố Sơn La, Thuận Châu, Mai Sơn; Dự án trồng rừng sản xuất 67.441 ha tại các huyện Phù Yên, Bắc Yên, Mộc Châu, Mai Sơn, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mường La, Yên Châu; Dự án chế biến nông, lâm sản gắn với các vùng nguyên liệu (chè, cà phê, hoa quả, bột giấy, ...); Dự án thủy lợi phục vụ sản xuất; Chương trình phát triển nông sản hàng hóa tập trung chủ yếu là các cây cà phê, chè, mía, cây ăn quả; Chương trình phát triển chăn nuôi bò (bò sữa, bò thịt). [5]. Những chương trình, dự án kể trên tạo đà cho nền nông nghiệp tỉnh Sơn La phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Tác động của việc di dân thủy điện Sơn La: việc hình thành hồ thủy điện Sơn La (diện tích gần 225 km²) đã buộc phải di chuyển gần 59 nghìn người vùng lòng hồ, trong đó 49.210 người Thái (chiếm 83,9%), những huyện chịu tác động mạnh nhất là Mường La và Quỳnh Nhai. Việc di dời diễn ra trong nhiều năm, gây xáo trộn trong các cộng đồng ở cả nơi đi và nơi đến, phải một số năm mới ổn định được sản xuất và đời sống. Những người di chuyển đến các huyện khác phải thích ứng với những điều kiện sản xuất mới, còn ở những địa bàn di vển (chuyển cư lên cao khỏi vùng ngập), người dân phải canh tác trên địa hình cao và dốc hơn. Người di cư hồ thủy điện gặp không ít khó khăn khi phải thay đổi tập quán sản xuất.

3.3. Hiện trạng sản xuất nông nghiệp của dân tộc Thái

a) Trồng trọt

Trong hiện trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp ở vùng nghiên cứu (103 xã có tỉ lệ người Thái trên 60% dân số), diện tích đất trồng cây hàng năm vẫn là chủ yếu. Diện tích đất lúa (trong đó 1/3 là diện tích lúa nương) chỉ có vị trí nổi bật đối với các hộ ở Thuận Châu, Sông Mã và Quỳnh Nhai. Diện tích các cây hàng năm khác là các cây trồng cạn, không cần tưới như ngô, mía, lạc, sắn. Diện tích đất cây lâu năm đang có xu hướng mở rộng do chuyển đổi từ diện tích cây hàng năm, nổi bật ở các huyện Mai Sơn, Thuận Châu, Mường La và TP Sơn La, thuộc khu vực cao nguyên Sơn La. Các cây lâu năm đang được phát triển là một số cây công nghiệp có giá trị như cà phê, chè, cao su; một số cây ăn quả như xoài, nhãn, chuối, mận...



Hình 1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của các hộ ở khu vực nghiên cứu (xử lý từ [3])

Cây lương thực

Các cây trồng lương thực chính là lúa, ngô và sắn. Lúa được trồng chủ yếu ở các chân ruộng thấp, những nơi có địa hình thuận lợi cho việc làm ruộng bậc thang và đảm bảo được

nguồn nước tưới trong vụ đông xuân. Tổng diện tích gieo trồng lúa cả năm 2016 là 26,5 nghìn ha (chiếm 20,9% diện tích); diện tích trồng ngô là 50,0 nghìn ha; diện tích trồng sắn là 49 nghìn ha (xử lý từ [3]).

Cây lúa là nguồn lương thực chủ yếu trong cơ cấu bữa ăn hàng ngày của người Thái. Người Thái có tập quán ăn cơm nếp, nên diện tích trồng lúa được ưu tiên tối đa cho việc trồng cây lúa nếp. Tuy nhiên việc mở rộng diện tích gieo trồng lúa nước rất hạn chế, nhất là sự không ổn định về nguồn cấp nước tưới trong vụ đông xuân, vào những năm bị khô hạn nặng.

Qua điều tra thực tế tại các huyện Thuận Châu, Mai Sơn, Quỳnh Nhai, Mường La thì phần lớn diện tích lúa mùa được trồng các giống lúa nếp bản địa phục vụ cho cơ cấu bữa ăn hàng ngày và để đồ xôi phục vụ các nghi lễ của người Thái vào các dịp cuối năm. Các giống lúa trong các mùa vụ rất đa dạng, cụ thể như sau.

Bảng 1. Cơ cấu mùa vụ và các giống lúa chủ yếu của người Thái ở Sơn La

Vụ		Giống lúa	Thời gian sinh trưởng	Dạng địa hình
Đông xuân	Trà xuân sớm	Q5, Khang dân	135-140 ngày	Ruộng trũng, thấp
	Đông xuân chính vụ	Bắc hương, Nếp 87, nếp 97	140-143 ngày	Chân ruộng cao
	Trà xuân muộn			Chân ruộng cao
Vụ mùa	Trà mùa sớm	Nếp 415, Nếp 87, Tan hin, Tan nhe	5 – 6 tháng (nếp tan). 105-110 ngày	Ruộng thấp, nhiều mùn (giống nếp tan)
	Trà mùa trung	Bắc hương, nếp 87	105-115 ngày	Chân ruộng cao, trũng
	Trà mùa muộn	Khang dân, Nhị ưu 838	105-110 ngày	Chân ruộng cao, trũng

(Nguồn: tư liệu điều tra thực địa của tác giả)

Đối với vụ lúa đông xuân, người dân tại các xã Chiềng Pha, Chiềng La, Mường Khiêng Tông Cọ (h. Thuận Châu); các xã Mường Bằng, Mường Chanh, Chiềng Chung (h. Mai Sơn); các xã Chiềng Bằng, Mường Sại, Mường Chiên (h. Quỳnh Nhai) thường gieo giống lúa xuân ngắn ngày, gieo vào ngày đã kết thúc rét hại. Trong vụ đông xuân, ở các huyện Mường La, Thuận Châu, Phù Yên, các nông hộ thường trồng những giống lúa trung và ngắn ngày, có thời gian sinh trưởng không quá 150 ngày.

Những hạn chế trong sản xuất lúa là: do diện tích canh tác bình quân trên một nhân khẩu thấp nên người trồng lúa ít việc làm, diện tích trồng lúa vụ đông xuân chiếm tỉ lệ nhỏ do nguồn nước tưới còn hạn chế. Mặt khác, chi phí cho sản xuất lúa cao, bao gồm chi phí vật tư phân bón, giống, giá dịch vụ cao, sự đe dọa của dịch bệnh cây trồng và sự thoái hóa giống lúa làm cho hiệu quả kinh tế từ sản xuất lúa thấp.

Cây ngô là cây lương thực chính thứ hai sau cây lúa ở Sơn La. Ngô được trồng ở vùng phiêng bãi, đất đồi. Diện tích ngô của cả tỉnh có xu hướng tăng, trong giai đoạn 2006 - 2016 tăng từ 142,94 nghìn ha lên 152,44 ha (gấp 1,06 lần). Trong khu vực nghiên cứu, sản xuất ngô từ hộ gia đình tập trung ở các huyện Mường La (10,9 nghìn ha), Mai Sơn (8,1 nghìn ha), Sông Mã (7,8 nghìn ha), Yên Châu (7,8 nghìn ha) [3].

Trước đây chủ yếu trồng các giống ngô nếp bản địa, cung cấp một phần lương thực cho con người và làm thức ăn cho gia súc, gia cầm; canh tác quảng canh, năng suất thấp. Hiện nay diện tích gieo trồng các giống ngô mới, năng suất cao như giống DK8868, DK6919, DK9955, P888, CP989, CP999 được mở rộng, năng suất ngô trung bình năm 2016 đạt 38,4 tạ/ha. Những diện tích đất dốc, trồng ngô nhiều năm, đất bị xói mòn và rửa trôi, năng suất không ổn định đang được chuyển đổi một phần sang trồng cây lâu năm.

Cây sắn là cây được trồng truyền thống ở miền núi Sơn La để làm lương thực cho người và thức ăn gia súc. Năng suất sắn trung bình nhiều năm của cả tỉnh là 111 tạ/ha. Trước đây cây sắn chỉ được trồng để phụ thêm thức ăn cho cá và chăn nuôi bò, nên sắn được trồng rải rác ở những chỗ đất quá xấu, hoặc là cây trồng làm ranh giới giữa mảnh nương của các hộ trong bản. Các nương sắn thường trồng xen cây đậu tương hoặc lạc. Lạc hoặc đậu tương được trồng 1- 2 hàng vào giữa 2 hàng sắn, thường trồng vào tháng 2, khi trồng hom sắn. Hiện nay, việc trồng xen các cây đậu tương, lạc vẫn được các hộ dân duy trì, nhưng bên cạnh đó cũng có các hộ trồng độc canh cây sắn, sử dụng phân bón hóa học, mà không chú ý tới việc trồng xen những cây có khả năng cố định đạm để cải tạo đất.

Trong tổng diện tích trồng sắn của các hộ tại khu vực nghiên cứu là 49 nghìn ha các huyện có diện tích trồng sắn lớn nhất là Thuận Châu 35,9 nghìn ha (chiếm 73 % diện tích trồng sắn), Sông Mã (2,9 nghìn ha); Sốp Cộp (2,9 nghìn ha), Quỳnh Nhai (2,7 nghìn ha), Mường La (2,4 nghìn ha). Việc trồng sắn trên diện tích lớn, địa hình dốc như ở Thuận Châu đe dọa thoái hóa đất, nhưng điều này cũng cho thấy nhiều hộ người Thái ở đây chưa tìm được phương án tốt hơn để sản xuất nông sản hàng hóa.

Cây công nghiệp

- Cây công nghiệp hàng năm

Diện tích gieo trồng các cây công nghiệp hàng năm ở khu vực nghiên cứu không lớn, các cây trồng chính là mía, đậu tương và lạc.

Mía là cây trồng truyền thống ở Sơn La. Năm 2016 diện tích gieo trồng mía ở khu vực nghiên cứu là gần 1,9 nghìn ha, tập trung hơn 80% ở huyện Mai Sơn, vùng nguyên liệu mía của Công ty CP mía đường Sơn La. Nhờ có sự liên kết sản xuất, hỗ trợ kỹ thuật từ Công ty CP mía đường Sơn La, cây mía đã là nguồn thu nhập quan trọng của nhiều hộ gia đình người Thái.

Lạc là cây trồng có giá trị kinh tế cao. Các giống lạc chính được trồng là lạc chay, lạc đỏ Bắc Giang. Giống này cho năng suất thấp, nhưng chất lượng cao, được nông dân ưa chuộng. Những năm gần đây, Sơn La đã trồng nhiều giống lạc mới để cải thiện năng suất như giống sen lai, L23, L14, TK10... Các giống lạc này cho năng suất từ 11 đến 12 tạ/ha.

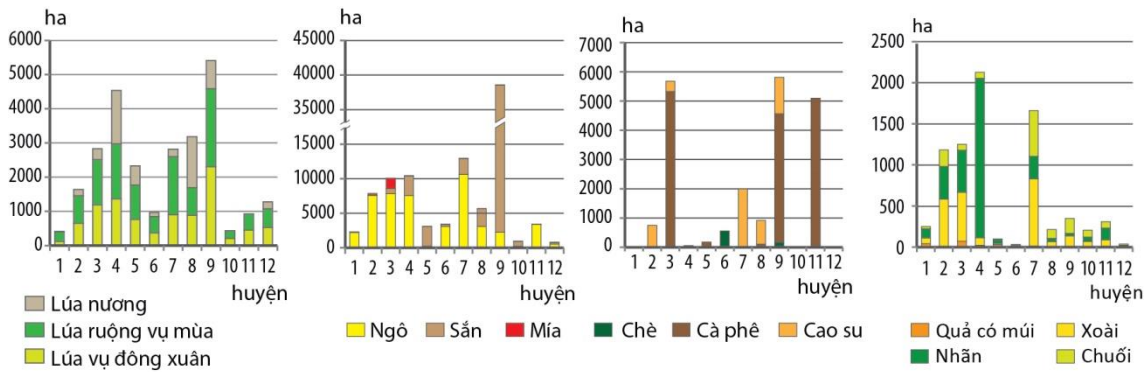
Diện tích gieo trồng lạc tại khu vực nghiên cứu là 238,9 ha, trong đó nhiều nhất là ở huyện Quỳnh Nhai 61,5 ha và huyện Sông Mã 53,8 ha. Lạc thường được trồng xen với sắn, hoặc ngô.

Đậu tương có thể được trồng thuần, trồng xen, trồng gối, thời gian sinh trưởng ngắn. Các giống đậu tương mới được trồng ở Sơn La như DT99, TL2501, Đ804, Đ2101... là những giống đậu tương có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chịu hạn, chống sâu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện địa hình dốc, thiếu nước tưới. Một số giống đậu tương ngắn ngày được trồng xen với các loại cây trồng khác theo từng thời vụ làm nâng cao hệ số sử dụng đất và tăng thu nhập cho người nông dân.

Những năm gần đây phong trào trồng đậu tương vụ đông ở Sơn La phát triển mạnh, kể cả ở nhiều nơi trước đây không trồng đậu tương, và đã cho thu nhập đáng kể. Tổng diện tích trồng đậu tương tại khu vực nghiên cứu là 127,2 ha, tập trung lớn nhất là ở huyện Mai Sơn 45,9 ha, huyện Quỳnh Nhai 39,5 ha.

- Cây công nghiệp lâu năm

Các cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều tại khu vực phân bố tập trung dân tộc Thái ở Sơn La là cây chè, cây cao su và cây cà phê.

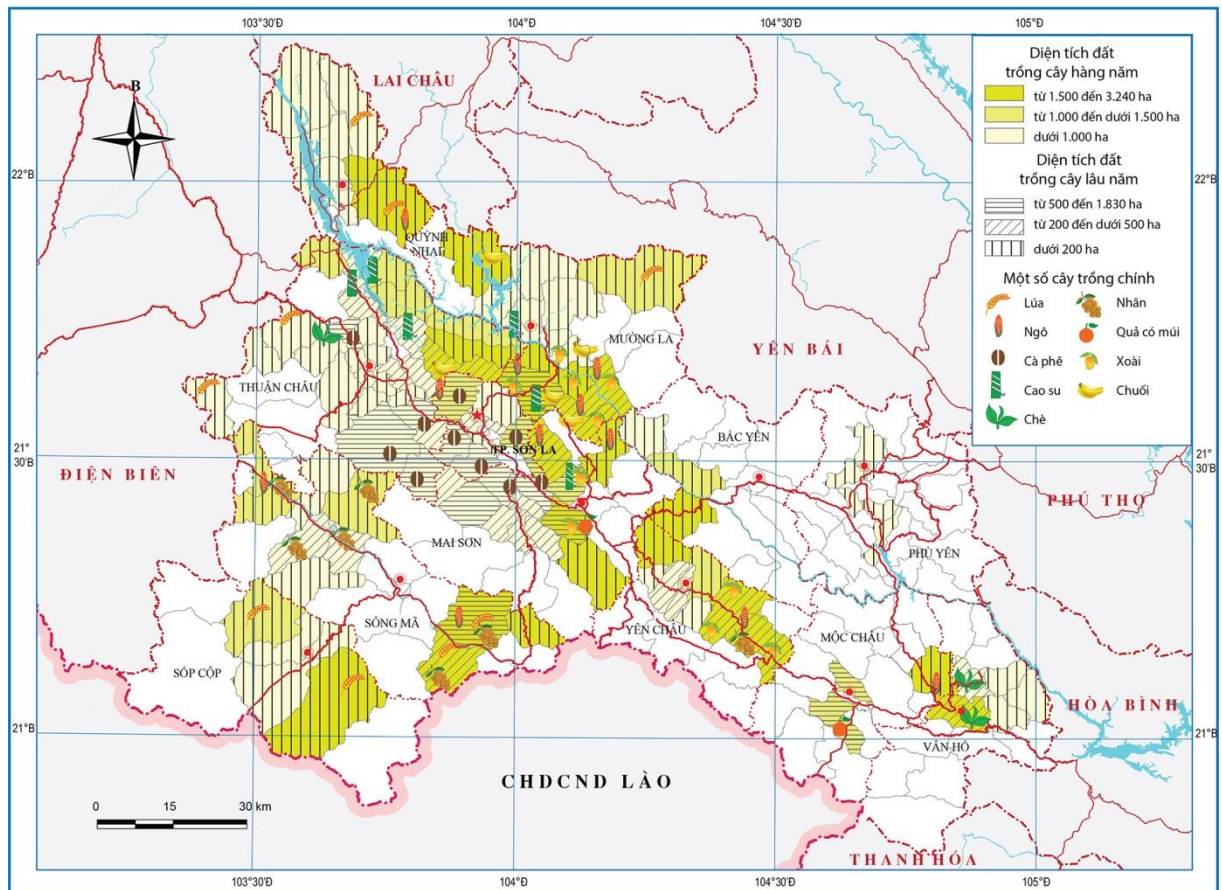


Ký hiệu các huyện trên biểu đồ

- (1) Mộc Châu; (2) Yên Châu; (3) Mai Sơn; (4) Sông Mã; (5) Sốp Cộp; (6) Vân Hồ;
 (7) Mường La; (8) Quỳnh Nhai; (9) Thuận Châu; (10) Bắc Yên; (11) TP Sơn La; (12) Phù Yên

Hình 2. Diện tích gieo trồng một số cây trồng chính của các hộ ở khu vực người Thái phân bố tập trung năm 2016 (ha)

Cây cà phê được trồng tại Sơn La từ những năm 1980, nhưng được trồng phổ biến từ năm 2006. Tổng diện tích trồng cà phê năm 2016 của các hộ ở địa bàn nghiên cứu là 15,1 nghìn ha, tập trung nhiều nhất ở 3 huyện là Mai Sơn (5,3 nghìn ha), TP Sơn La (5,1 nghìn ha), Thuận Châu (4,4 nghìn ha) [3]. Nhiều hộ người Thái đã chuyển đổi diện tích trồng ngô và sắn sang trồng cà phê. Kết quả đã hình thành vùng trồng cà phê tập trung bao quát các xã Chiềng Ban, Chiềng Mung (huyện Mai Sơn), Hua La, Chiềng Đen (TP. Sơn La), Chiềng Pha, Tông Cọ (Thuận Châu),... Tuy nhiên, khó khăn trong việc mở rộng diện tích cà phê ở Sơn La là tình trạng thiếu nước, không đủ nước tưới, sự bất thường của chế độ mưa, các hiện tượng thời tiết đặc biệt như giá rét và sương muối. Các đợt rét hại và sương muối trong các năm 1999, 2013 đã làm khoảng 1 nghìn ha cà phê bị chết khô và bị ảnh hưởng nặng nề.



Nguồn: Cục thống kê tỉnh Sơn La

Biên tập bản đồ: NCS Đặng Thị Nhuận, 2018

Hình 3. Bản đồ ngành trồng trọt ở khu vực người Thái phân bố tập trung

Cây chè được trồng thành vùng chè tập trung lớn tại huyện Mộc Châu và huyện Bắc Yên, nhất là do các công ty chè quản lý. Diện tích chè do các hộ gia đình trồng không lớn, ở toàn khu vực nghiên cứu chỉ 789 ha, trong đó huyện Vân Hồ 558 ha, huyện Thuận Châu 172 ha, huyện Mai Sơn 36 ha.

Cây cao su được đưa vào trồng ở Sơn La từ năm 2007, với diện tích 0,77 nghìn ha. Đến năm 2016 diện tích gieo trồng cao su là 6,21 nghìn ha. Ở khu vực tập trung dân tộc Thái sinh sống diện tích trồng cao su là 5,13 nghìn ha. Cao su hiện được trồng tập trung ở 3 huyện phía bắc của tỉnh là Mường La 1977 ha, Thuận Châu 1241 ha, Quỳnh Nhai 815 ha. Hai huyện còn lại có trồng cao su là Yên Châu và Mai Sơn. Địa bàn trồng cao su cũng là nơi có nhiều người di cư vùng lòng hồ thủy điện. Công ty Cổ phần Cao su Sơn La đưa giống, phân bón, kỹ thuật, còn người dân tham gia trồng, chăm sóc cây và trở thành công nhân của công ty. Trong 3 năm đầu, người dân được trồng xen canh các loại cây trồng ngắn ngày như lạc, bông, đậu... khi cao su chưa khép tán. Thực tế khảo sát tại địa bàn các huyện Quỳnh Nhai, Thuận Châu, TP Sơn La cho thấy các hộ dân tộc Thái nhận trồng cây cao su đời sống chưa thực sự ổn định, bởi 3 năm đầu khi còn trồng xen các loại cây ngắn ngày khác, cùng với sự hỗ trợ của công ty cao su đời sống còn được đảm bảo. Khi cao su đã cho mủ và thu hoạch thì người dân không còn được nhận sự hỗ trợ của công ty cao su nữa, vì vậy những hộ dân trồng cây cao su gặp nhiều khó khăn.

Cây ăn quả

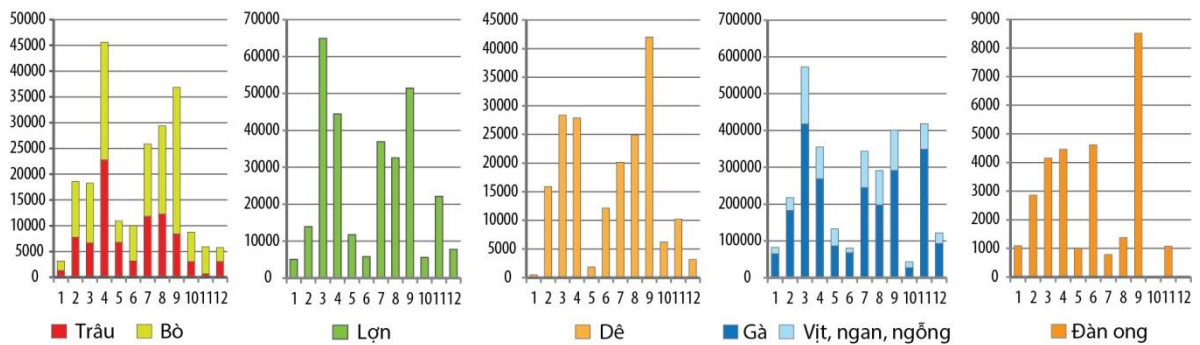
Các cây ăn quả chính được người Thái trồng là xoài, nhãn, cam, quýt, bưởi, chuối. Ở khu vực nghiên cứu, tổng diện tích các hộ trồng các cây ăn quả nói trên là gần 7,5 nghìn ha; lớn nhất là diện tích trồng nhãn (3362 ha), trồng xoài (2368 ha), trồng chuối (1333 ha). Diện tích trồng các quả có múi (cam, quýt và bưởi) không nhiều, tổng cộng chỉ gần 413 ha [3]. Vùng trồng nhãn tập trung lớn nhất là ở huyện Sông Mã 1825 ha, Mai Sơn 480 ha, Yên Châu 373 ha. Cây nhãn theo chân người nông dân Hưng Yên lên xây dựng kinh tế mới ở huyện Sông Mã từ những năm 1960-1970, và hiện nay diện tích nhãn được mở rộng nhanh, đặc biệt nhờ kỹ thuật ghép nhãn mà năng suất và chất lượng nhãn được cải tạo. Những xã trồng nhiều nhãn nhất là Chiềng Cang, Mường Hung, Chiềng Sơ, Yên Hưng (h. Sông Mã), Tú Nang (h. Yên Châu), Hát Lót (h. Mai Sơn). Vùng trồng xoài lớn tập trung ở các huyện Mường La, Yên Châu, Mai Sơn. Những xã có diện tích xoài lớn nhất phải kể đến Hát Lót (h. Mai Sơn) 312 ha, Tú Nang (h. Yên Châu) 209 ha, Mường Bú (h. Mường La) 182 ha. Chuối được trồng nhiều nhất ở huyện Mường La (525 ha). Sự phát triển cây ăn quả, đặc biệt là trồng nhãn trên đất dốc, đã góp phần sử dụng có hiệu quả hơn tài nguyên đất, khí hậu của vùng, chống được xói mòn đất tốt hơn so với cây hàng năm, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

Hiện nay hoa quả được tiêu thụ tươi là chủ yếu, nên phải có giải pháp về chế biến (thủ công và công nghiệp) mới có thể duy trì và mở rộng diện tích trồng cây ăn quả. Việc quy hoạch vùng cây ăn quả tập trung cũng là một giải pháp quan trọng.

b) Chăn nuôi

- Chăn thả gia súc

Các hộ người Thái phổ biến là chăn thả trâu, bò thịt, dê và ngựa, không nuôi bò sữa. Phương thức chăn thả tự do, tận dụng nguồn cỏ tự nhiên, thả vào rừng, vẫn là phổ biến nhất. Hai huyện có đàn gia súc chăn thả lớn nhất là Sông Mã và Thuận Châu (xem hình 4).



Ký hiệu các huyện trên biểu đồ

(1) Mộc Châu; (2) Yên Châu; (3) Mai Sơn; (4) Sông Mã; (5) Sốp Cộp; (6) Vân Hồ;
(7) Mường La; (8) Quỳnh Nhai; (9) Thuận Châu; (10) Bắc Yên; (11) TP Sơn La; (12) Phù Yên

Hình 4. Số lượng gia súc, gia cầm (con) và số đàn ong của các hộ ở khu vực người Thái phân bố tập trung năm 2016

Đàn trâu tổng số 87,7 nghìn con. Các huyện có đàn trâu lớn như Sông Mã 22,8 nghìn con, Quỳnh Nhai 12,2 nghìn con, Mường La 11,8 nghìn con, Thuận Châu 8,4 nghìn con. Ở huyện Sông Mã, phần lớn các hộ gia đình nuôi 5-7 con trâu, đáng chú ý đàn trâu của các hộ rất lớn, như Mường Sại (h. Sông Mã) bình quân một hộ nuôi 35 con trâu, còn ở xã Yên Hưng (h. Sông Mã) bình quân là 15 con/hộ nuôi.

Đàn bò tổng số 131,4 nghìn con. Các huyện có đàn bò lớn như Thuận Châu 28,4 nghìn con, Sông Mã 22,8 nghìn con, Quỳnh Nhai 1,7 nghìn con, Mường La 14 nghìn con.

Dê là giống dễ nuôi, thích hợp với vùng cao núi đá, thức ăn chủ yếu là các loại cỏ quanh nhà, các loại cây trên đồi núi và bổ sung thức ăn tinh như ngô, khoai, sắn. Năm 2016 tổng đàn dê của các hộ vùng nghiên cứu là 193,3 nghìn con, trong đó tập trung nhiều nhất ở huyện Thuận Châu 42 nghìn con, Mai Sơn 28,3 nghìn con, Sông Mã 27,9 nghìn con.

Bên cạnh việc chăn thả, tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên, các hộ người Thái cũng tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp như rơm, cây ngô, ngọn mía,... Qua khảo sát thực địa, chúng tôi nhận thấy trong những năm gần đây các hộ gia đình tại các xã Ngọc Chiến, Nậm Pấm, Hua Trai, Chiềng Lao (h. Mường La), các xã Chiềng Bằng, Mường Sại, Mường Giôn, Chiềng Khay, Pá Ma Pha Khinh (h. Quỳnh Nhai) trồng các giống cỏ voi, cỏ pangôla. Hai giống cỏ này có nhiều triển vọng trồng thành các vùng đồng cỏ quy mô lớn để phát triển đàn bò, trâu, dê, cũng như có thể phát triển chăn nuôi bò sữa.

- Chăn nuôi lợn

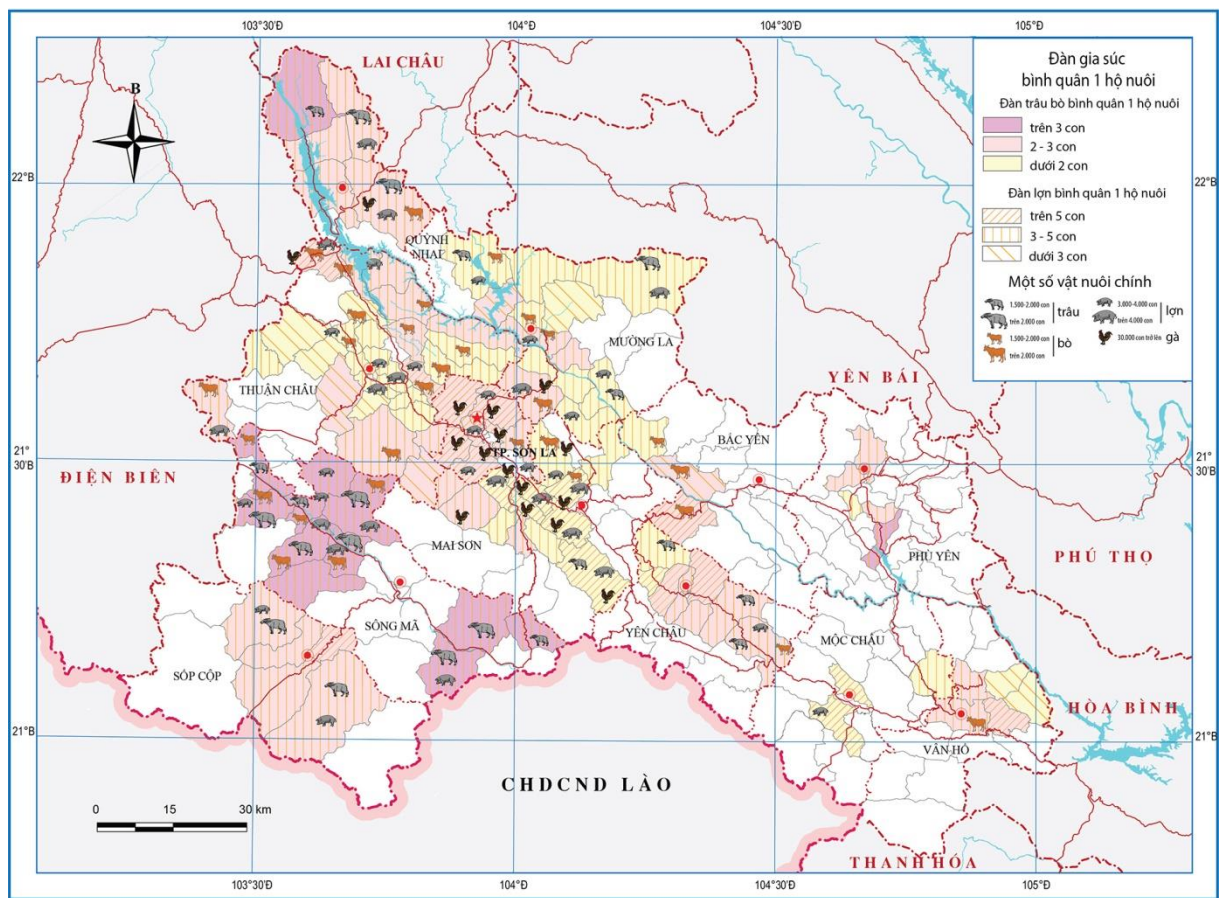
Tập quán chăn nuôi lợn của người Thái là nuôi bán tự nhiên, thả rông để đàn lợn tự kiếm ăn là chính, mỗi ngày cho ăn 1 hoặc 2 bữa. Thức ăn cho lợn thường là các phụ phẩm nông nghiệp như thân cây chuối, gạo, cám, ngô, khoai, sắn, bí đỏ và các loại rau rừng. Hiện nay các giống lợn lai, lợn ngoại được đưa ở dưới xuôi lên, nhiều địa phương đã phát triển mạnh ngành chăn nuôi lợn nái, lợn thịt như ở xã Mường Sang (Mộc Châu), xã Huy Bắc (Phù Yên). Kỹ thuật và phương thức chăn nuôi có nhiều thay đổi, nhiều hộ phát triển chăn nuôi lợn theo kiểu trang trại, nuôi công nghiệp hoặc bán công nghiệp. Doanh nghiệp Thuận Hải đã đầu tư nuôi lợn rừng, lợn đen bản địa tại Mộc Châu, phường Chiềng Sinh (TP Sơn La). Giống lợn rừng được doanh nghiệp nhập từ Thái Lan về nuôi. Thức ăn cho lợn rừng chủ yếu là các loại củ quả, cho ăn sống. Nuôi lợn rừng lai với lợn đen bản địa cho sản phẩm thịt thơm ngon, được thị trường ưa chuộng.

- Chăn nuôi gia cầm

Trong đời sống của người Thái, gia cầm được nuôi để tận dụng thức ăn thừa, để tự cung tự cấp cho gia đình, thừa để bán. Tổng đàn gà ở 103 xã có người Thái sống tập trung là 2.292 nghìn con. Gà được nuôi nhiều nhất ở huyện Mai Sơn 418 nghìn con, TP Sơn La 349 nghìn con, Thuận Châu 291 nghìn con (năm 2016). Theo cách chăn nuôi truyền thống, chỉ cho gà ăn 1 bữa và thả để chúng tự kiếm ăn quanh nhà, thức ăn chủ yếu là sắn, ngô, thóc. Hiện nay đã có những mô hình chăn nuôi gà công nghiệp, chăn nuôi gà thả vườn, chăn nuôi theo kiểu trang trại, kết hợp chăn nuôi gia cầm với nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn quả, chăn nuôi gà thịt, gà đẻ trứng mang lại hiệu quả kinh tế cao như ở TP Sơn La, huyện Mai Sơn, Mộc Châu. Tại đây, đã phát triển các trại nuôi gà thịt, gà đẻ trứng quy mô khá lớn, tới vài nghìn con giống gà công nghiệp, gà Ai Cập. Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng với tổng số là 767 nghìn con, trong đó nuôi tập trung tại các huyện: Mai Sơn 155 nghìn con, Thuận Châu 109 nghìn con, Mường La 99 nghìn con, Quỳnh Nhai 93 nghìn con.

- Nuôi ong

Từ lâu, nghề nuôi ong mật đã khá phát triển vì Sơn La có nhiều rừng với các loài cây thích hợp cho việc nuôi ong. Những năm gần đây, phong trào trồng cây ăn quả phát triển mạnh, diện tích trồng nhãn và các cây ăn quả khác khá lớn đã tạo đà phát triển đàn ong. Tổng số đàn ong gần 30 nghìn đàn. Các huyện có số đàn ong lớn là Thuận Châu 8,5 nghìn đàn, Yên Châu 4,6 nghìn đàn, Sông Mã gần 4,2 nghìn đàn. Ở Sơn La có nhiều giống ong mật được ưa chuộng như ong khoái, ong nội, ong Italia, ong ruồi. Tỉnh đã thành lập “Hội nuôi ong Sơn La” để phổ biến kinh nghiệm, mở các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi và khai thác. Nhiều hộ gia đình đã làm giàu nhờ nuôi ong, với quy mô 100-200 đàn.



Nguồn: Cục thống kê tỉnh Sơn La

Biên tập bản đồ: NCS Đặng Thị Nhuận, 2018

Hình 5. Bản đồ ngành chăn nuôi ở khu vực người Thái phân bố tập trung

3.4. Về việc sử dụng hợp lý tài nguyên trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp hàng hóa tại khu vực phân bố tập trung người Thái ở Sơn La

Trong trồng trọt

Đối với cây lương thực: Trong canh tác lúa, người Thái đã vận dụng tri thức bản địa trong việc bố trí các giống lúa phù hợp đối với các điều kiện địa hình, thời tiết, khí hậu, tận dụng tối đa nguồn nước từ sông suối, cũng như nước mưa (nước trời), khắc phục những diễn biến bất lợi, ổn định và nâng cao năng suất. Do có những tiến bộ về giống, loại ngô lai ngắn ngày cho năng suất cao được trồng phổ biến ở các nơi trong tỉnh. Cho đến nay các hộ người Thái vẫn vận dụng kinh nghiệm trồng xen, trồng gối cây ngô với các cây trồng cận khác như các loại đỗ (đỗ xanh, đỗ nho nhe). Ở những nơi có địa hình cao dốc, việc trồng xen vừa cho sản phẩm đa dạng vừa có tác dụng làm giảm sự xói mòn đất. Ở phiêng, bãi, đồi thấp, ngô thường trồng độc canh vì đất màu mỡ.

Đối với cây công nghiệp: Trước đây người Thái chủ yếu trồng cây lương thực; từ thập niên 2000 đến nay đang chuyển một bộ phận đất cây hàng năm sang trồng cây cà phê, diện tích tương đối lớn. Ở huyện Thuận Châu, TP Sơn La và huyện Mai Sơn, các hộ trồng xen cà phê với cây ăn quả, tùy từng điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu ở từng tiểu vùng mà trồng xen các loại cây khác nhau. Chẳng hạn như các xã Chiềng Đen, Chiềng Cọ trồng cà phê xen cây mận, các xã Mường Chanh, Chiềng Ban (huyện Mai Sơn) trồng cà phê xen xoài.

Đối với cây ăn quả: Mặc dù cây ăn quả không phải là các loại cây trồng lâu năm phổ biến đối với người Thái, nhưng gần đây nhu cầu về các loại quả tăng lên, mặt khác, Nhà nước, chính quyền địa phương khuyến khích, hỗ trợ nhiều cho nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển cây ăn quả theo hướng chuyên canh, sản xuất hàng hóa; một số mô hình trồng cây ăn quả chuyên canh cho thu nhập cao đã được nhân rộng. Do đó đã hình thành vùng trồng nhãn tập trung ở Sông Mã, Mai Sơn, Yên Châu. Các huyện nằm dọc trục quốc lộ 6 có nhiều lợi thế trong phát triển vùng cây ăn quả tập trung, do hiện nay quả được tiêu thụ tươi, chuyên chở sản phẩm về vùng đồng bằng sông Hồng, vùng tiêu thụ chính, thuận lợi hơn. Ở các xã vùng sâu, vùng xa dọc sông Đà (thuộc huyện Mường La, Quỳnh Nhai) việc vận chuyển khó khăn hơn, diện tích trồng chưa nhiều nên các hộ chưa thật sự yên tâm khi chuyển sang trồng cây ăn quả. Năm 2016 chúng tôi khảo sát tại xã Mường Lao, Hua Trai (huyện Mường La), các hộ đã phải chặt nhãn để quay lại trồng sắn trên đất dốc.

Trong chăn nuôi

Đối với chăn nuôi gia súc: Việc phát triển đàn trâu, bò ở các hộ người Thái khá phổ biến vì có nguồn cỏ tự nhiên và trâu bò là sức kéo chủ yếu khi canh tác trên đồng ruộng và nương. Hiện nay, do diện tích rừng và bãi chăn thả ít, cũng do an ninh không đảm bảo nên nhiều nơi chỉ chăn thả trâu về ban ngày, chiều tối lại nhốt chuồng và cho ăn thêm. Trong những năm gần đây đã hình thành nên các vùng chăn nuôi tập trung, chủ yếu tại các huyện Sông Mã, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mường La. Hệ thống khuyến nông đã xây dựng ở nhiều địa phương mô hình trồng cỏ phục vụ chăn nuôi đại gia súc, trồng giống cỏ có năng suất cao, giàu dinh dưỡng, hàm lượng đường cao và khả năng thích ứng rộng, chống chịu rét, hạn tốt như VA06, gắn kết chương trình cải tạo đàn trâu, bò với việc tận dụng triệt để các nguồn phụ phẩm nông nghiệp như rơm, rạ, lá ngô, lá mía để đáp ứng đủ lượng thức ăn thô xanh cho chăn nuôi trâu, bò.

Việc phát triển đàn lợn và gia cầm thường gắn với những vùng sản xuất cây lương thực tập trung (lúa, ngô, sắn), do đó đã hình thành nên vùng nuôi lợn, gà tập trung tại các huyện Mai Sơn, Thuận Châu, TP Sơn La, Sông Mã. Tại các huyện Mai Sơn, Thuận Châu, TP Sơn La đã kết hợp phát triển đàn gà thả đồi dưới các nương cà phê. Theo cách giải thích của các hộ dân việc gà tìm kiếm thức ăn từ trứng các loài côn trùng cũng làm giảm bớt đi các hiện tượng sâu bệnh ở các nương đồi cà phê, xoài, mận. Người dân giảm được chi phí phun thuốc bảo vệ thực vật, lại bảo vệ tốt hơn môi trường sinh thái.

Việc phát triển đàn ong: Tại các khu vực người Thái cư trú tập trung, với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành những vùng trồng cây ăn quả tập trung tạo thuận lợi để phát triển đàn ong. Ở các bản dân tộc Thái sống gần bìa rừng nhiều cây cối, phổ biến là nuôi ong bằng hình thức tự nhiên (đi bẫy ong từ rừng về nuôi tại nhà hoặc để tổ tại rừng). Người dân đi bẫy ong từ tháng 1 đến tháng 2 âm lịch. Khi thấy ong bay đi tìm tổ họ dùng các hóc cây nhân tạo để đi bẫy. Bẫy hình vuông hoặc tròn, đường kính khoảng 30-40cm, chủ yếu là loại gỗ bà con dùng làm chõ xôi. Khi bẫy, dùng sáp ong bôi vào bên trong, các khe nối và nắp đậy hai đầu, khi phát hiện ong đã về làm tổ thì vận chuyển cẩn thận lúc chập tối đem về nhà. Ở những khu rừng có nền nhiệt mát mẻ, có nhiều hóc cây rỗng, khe suối nhỏ, mòm đá dưới tán rừng thường có ong làm tổ và bay qua lại nhiều.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Từ việc phân tích hiện trạng phát triển nông nghiệp tại địa bàn tập trung dân tộc Thái ở Sơn La, cùng với điều tra tra khảo sát thực địa và tham vấn cộng đồng các hộ dân tộc Thái ở vùng nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số kết luận và kiến nghị như sau:

- Trong sản xuất nông nghiệp của dân tộc Thái vẫn còn lưu giữ nhiều tri thức bản địa, kinh nghiệm truyền thống trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên để sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh việc phổ biến các kiến thức khoa học hiện đại trong trồng trọt và chăn nuôi, thì hệ thống tri thức bản địa cần được vận dụng hiệu quả vào hoạt động sản xuất.

- Việc vận dụng tri thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp kết hợp với kiến thức khoa học đã mang lại hiệu quả ở một số địa phương, nên được ghi chép, quay phim, làm phóng sự để trở thành tài liệu phổ biến cho các các hộ dân có điều kiện tự nhiên tương tự vận dụng cùng thực hiện.

- Để khuyến khích các hộ dân tiếp tục đầu tư trồng các cây lâu năm như cà phê, chè, cây ăn quả đạt được năng suất cao và đảm bảo sản xuất lâu dài cần có sự liên kết giữa các công ty, doanh nghiệp và các hộ nông dân ở cả khâu vật tư đầu vào và đầu ra cho sản phẩm nông sản hàng hóa.

- Đối với những vùng trồng cà phê tập trung cần phổ biến mô hình trồng cà phê xen canh, bởi ở Sơn La vào mùa đông có những năm xuất hiện sương muối, sương giá ảnh hưởng không nhỏ tới diện tích và năng suất cà phê. Thực tế vào cuối năm 2013, sau đợt sương muối thì ở những diện tích cà phê trồng xen với một loại cây che bóng (xoài, nhãn) mức độ thiệt hại của cây cà phê giảm đi rất nhiều so với các diện tích trồng độc canh cà phê.

Trong sản xuất nông nghiệp đã hình thành các vùng sản xuất tập trung không những đáp ứng được nhu cầu địa phương mà còn cung cấp cho thị trường trong nước một số sản phẩm đã có tiếng như cà phê, nhãn, xoài. Do vậy, các ngành chức năng liên quan cần xây dựng chiến lược phát triển các cây trồng, vật nuôi hướng tới sản xuất hàng hóa bền vững dựa vào lợi thế của từng địa phương. Đồng thời coi trọng và quan tâm nghiên cứu, ứng dụng hệ thống tri thức bản địa kết hợp với tri thức khoa học trong việc phát triển các nông sản hàng hóa nhằm nâng cao chất lượng đời sống cho người dân và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban dân tộc tỉnh Sơn La (2016), *Báo cáo thống kê dân số chia theo dân tộc năm 2016*, Sơn La.
- [2] Phan Văn Chiêu (1966), *Một số vấn đề nông nghiệp miền núi*, Nxb Nông thôn, Hà Nội.
- [3] Cục thống kê Sơn La (2017), *Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016*,

Sơn La.

[4] Lê Sĩ Giáo (1992), *Đặc điểm nông nghiệp truyền thống của người Thái Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học số 1, tr. 36-41.

[5] Sở NN&PTNT Sơn La (2009), *Báo cáo rà soát bổ sung quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Sơn La giai đoạn 2009 - 2020*, Sơn La.

[6] Tư liệu điều tra thực địa của tác giả.

[7] Trung tâm nghiên cứu sinh thái môi trường (2001), *Phương pháp thu thập và sử dụng kiến thức bản địa, tập II*, Nxb Nông nghiệp.

AGRICULTURAL DEVELOPMENT OF THAI ETHNIC IN SON LA PROVINCE BASED ON RATIONAL USE OF NATURAL RESOURCES AND TOWARD COMMODITY PRODUCTION

*Prof. Dr. Nguyen Viet Thinh, Prof. Dr. Do Thi Minh Duc,
M.A. Dang Thi Nhuan*

Abstract: The paper analyzed the state of agricultural development of Thai ethnic in Son La province. The research identified the application of local knowledge in relation with modern science and technology in cultivation and livestock raising of Thai people. The paper also clarified changes in agricultural production of the Thai households under the influence of economic and social factors. From these analyses, solutions for development of agricultural production are proposed to use natural resources properly and to form specialized areas of crops and livestock.

Key words: *agricultural, Thai ethnic minority, Sơn La, rational use of natural resources.*